

CẢM THỨC VỀ CÁI ĐẸP TRONG TÙY BÚT CỦA CHU VĂN SƠN

Nguyễn Thị Tuyết Minh

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

Tóm tắt: Chu Văn Sơn là nhà phê bình thơ tinh tế, tài hoa, đồng thời là người viết tùy bút đã tạo được ấn tượng sâu sắc đối với bạn đọc. Tập tùy bút *Tự tình cùng Cái Đẹp* như món quà cuối của cuộc đời, ông gửi tặng bạn đọc. Đọc cuốn sách này, ta nhận ra nét nhất quán trong ngòi bút Chu Văn Sơn: một người đắm say trước Cái đẹp, một cảm thức thường trực dành cho sự phát hiện và biểu đạt về Cái đẹp mà nguồn cội của nó chính là tình yêu của tác giả đối với cuộc sống.

Từ khoá: cảm thức, cái đẹp, tùy bút, *Tự tình cùng Cái Đẹp*, Chu Văn Sơn.

Nhận bài ngày 3.4.2023; gửi phản biện, chỉnh sửa và duyệt đăng ngày 24.4.2023

Liên hệ tác giả: Nguyễn Thị Tuyết Minh; Email: nguyenthituyetminhsp2@gmail.com

1. MỞ ĐẦU

Chu Văn Sơn là nhà phê bình thơ tinh tế, tài hoa, đồng thời là người viết tùy bút đã tạo được ấn tượng sâu sắc đối với bạn đọc. Cuốn tùy bút *Tự tình cùng Cái Đẹp* do NXB Hội Nhà văn ấn hành năm 2019 như món quà cuối cùng của cuộc đời, ông gửi lại cho bạn đọc. Đọc cuốn sách này, ta nhận ra nét nhất quán trong ngòi bút Chu Văn Sơn ở cả mảng phê bình thơ lẫn sáng tác tùy bút: một người đắm say trước Cái đẹp, một cảm thức thường trực dành cho sự phát hiện và biểu đạt về Cái đẹp. Chính mạch cảm thức này đã làm nên vẻ đẹp độc đáo cho những trang tùy bút của Chu Văn Sơn.

2. NỘI DUNG

Tùy bút là văn xuôi trữ tình thuộc thể kí - một loại tác phẩm tự sự phi hư cấu. Nét nổi bật của tùy bút là ghi chép một cách tự do những suy nghĩ, cảm xúc mang màu sắc cá nhân của người viết về con người và sự việc. Tùy bút, vì thế thường thể hiện rất rõ cái “tôi” độc đáo, cũng như tâm hồn, tình cảm của tác giả. Cấu trúc của bài tùy bút không bị ràng buộc bởi một cốt truyện cụ thể, song nội dung của nó vẫn được triển khai theo một cảm hứng chủ đạo, một tư tưởng nhất định. Ngôn ngữ của tùy bút rất giàu chất thơ. Đây là những lí do đối với nhiều người, thể loại tùy bút tuy dễ viết nhưng lại khó hay, bởi tính tự do phóng túng khiến bài viết dễ trở nên tản mạn. Tác giả Chu Văn Sơn rất thành công đối với thể tùy bút qua tập *Tự tình cùng Cái Đẹp*. Người đọc nhận ra phía sau những trang tùy bút của ông là chân dung một cái “tôi” tác giả giàu trải nghiệm, có cái nhìn tinh tế và sâu sắc về cuộc sống.

Đặc biệt, mạch cảm thức thường trực như chất keo gắn kết mỗi bài trong cả tập tùy bút của ông là cảm thức về Cái đẹp. Mạch cảm thức này trong *Tự tình cùng Cái Đẹp* được thể hiện khá phong phú, đa dạng, bao gồm: *Cái đẹp kì vĩ, Cái đẹp bình dị, Cái đẹp bị quên lãng.*

2.1. Cái đẹp kì vĩ

Trong *Tự tình cùng Cái Đẹp*, tiêu biểu cho mạch cảm thức về Cái đẹp kì vĩ là các bài Chu Văn Sơn viết về Angkor, Đà Lạt, Sơn Đoòng.

Từ thuở học trò, Chu Văn Sơn đã mơ ước một lần được đến chiêm ngưỡng Angkor và phải ba mươi năm sau, ông mới có cơ hội biến giấc mơ ấy trở thành hiện thực. Đứng trước Angkor, ông “*bàng hoàng trước vẻ đẹp nguy nga siêu việt của kì quan này*” [3, tr.18]. Ngược mắt nhìn một công trình quá đồ sộ, tác giả băn khoăn với những câu hỏi: “*Bằng cách nào mà người xưa có thể vận chuyển được cả những quả núi đá từ xa thế về đây? Làm sao có thể nâng được từng ấy khối đá lên độ cao đến vậy chỉ bằng những công cụ thô sơ tối giản? Triệu triệu phiến đá rời đã được gắn lại thành đền tháp bằng chất kết dính bí mật nào mà tuyệt nhiên không có chút dấu vết gì? Người xưa đã xây dựng trước rồi điêu khắc sau, hay chạm trổ cho từng phiến đá trước rồi mới tiến hành lắp ráp xây cất?*” [3, tr.18-19]. Angkor còn phản chiếu vẻ đẹp siêu thực, chất chứa nguồn sông tái sinh. Angkor cũng phản chiếu dấu tích thời gian bởi rêu phong. Rêu phong tạo cho những khối đá của đền tháp kì vĩ này vẻ cổ kính, hoang sơ. Vũ điệu của đất đá và rêu phong đã tạo nên trầm tích lịch sử cho ngôi đền thiêng Angkor.

Chu Văn Sơn rất tinh tế khi nhận ra ở công trình kiến trúc tuyệt mỹ này sự đan hoà giữa những đối cực của Cái đẹp: *Con người và thần linh, Kì vĩ và tinh xảo, Giáo giuom và điệu múa, Đá và cây, Khoảnh khắc và vĩnh cửu.*

Nhan đề của bài tùy bút: *Angkor những đối cực của cái đẹp* đã nói lên “*đường như nó là sự hài hòa kì dị của những cặp đối cực riêng chỉ xứ sở này mới có*” [3, tr.18]. Tác giả kể lại cho người đọc nghe về một huyền thoại Angkor được xây cất để an ủi vị hoàng tử của thần Indra. Và vẻ đẹp của di tích này không chỉ đến từ lớp trầm tích lịch sử mà còn đến từ màn sương tâm linh xoay quanh sự ra đời của nó. Là một trong bảy kì quan thế giới, cứ ngỡ công trình vĩ đại này phải do thần linh tạo ra, nhưng không, chính bàn tay con người đã sáng tạo nên. Thật thần phục “*sức mạnh thần thánh của con người*”. Những người thợ điêu khắc tạc tuyệt đã ghi cuộc đời họ vào đá. Đến hàng trăm, hàng nghìn năm sau: “*Đời họ đã chìm vào từng trụ đá, phận họ đã ngấm vào từng thớ đá. Họ để lại cuộc đời mình trong đá. Họ đã gieo hồn mình vào đá, để cho đá có hồn*” [3, tr.20]. Họ “*xẻ núi, bạt đồi, đào hồ, cắt móng, dựng tháp, kê cầu... Họ vận chuyển hàng ngàn triệu tấn sa thạch, mang vác hàng tỉ phiến đá, đục đẽo, bào mài tỉ mỉ mặt đá, cạnh đá bằng mồ hôi và bằng cả máu của mình*” [3, tr.20] để tạo nên công trình kiến trúc kì vĩ này.

Đền Angkor cứ sừng sững như thế, hùng vĩ hiên ngang trước dòng chảy của thời gian và lịch sử. Không chỉ có thế, 290 ngôi đền ở Siem Reap là “*hàng vạn hình Apsara bằng tượng tròn, bằng phù điêu, bằng nét khắc chìm*” [3, tr.20]. Phải chăng “*hàng vạn con người không có quyền lưu lại tên tuổi*” đã dựng cho mình một đài kỉ niệm bằng mỗi hình Apsara. Với cách đó, linh hồn họ hòa quyện vào công trình, hiển hiện theo năm tháng, họ bắt từ cùng với tài năng và tâm huyết. Những người thợ đã thổi sự sống vào từng khối đá, đục đẽo chúng

để tạo nên sự sống kì diệu cho Angkor.

Tác giả thốt lên rằng: “*Angkor là đền thờ thần linh. Angkor là đền thờ vương quyền. Nhưng trước hết, Angkor phải là đền thờ Tài Hoa và Tâm Huyết của cả một dân tộc*” [3, tr.21]. Và tác giả cảm nhận được ở đó “*vong linh của muôn vàn con người vô danh và những đấng tài hoa luôn lẫn quất trong từng nét hoa văn, ẩn tàng trong từng nhát khắc, băng láng sau mỗi bóng thâm u đầy đó của đền đài*” [3, tr.21]. Đối diện với Angkor, cả người đọc và tác giả đều có dịp suy ngẫm về sự “*Kì vĩ và tinh xảo*”. Cái kì vĩ ở đây gồm: “*ngôn ngữ của người khổng lồ*” rồi “*mỗi cổng thành Angkor Thom đều có một cây cầu đá mệnh mông*” rộng đến mức “*đủ cho hàng đàn voi chiến có thể dàn ngang diễu hành*”. Rồi mỗi cây cầu đều có hai hàng lan can độc đáo được làm từ 54 pho tượng đá lớn. “*54 tòa tháp mỗi tòa 4 mặt, vị chi là 216 gương mặt - 216 nụ cười đá huyền bí*”, “*khiến du khách ở bất cứ góc nào cũng được chiêm ngưỡng một nụ cười hùng vĩ*” [3, tr.23].

Đối diện với Angkor, người đọc được dịp thưởng thức một bữa tiệc cho giác quan. Mở đầu là thị giác: “*Muôn vàn bông sen cách điệu, muôn vàn ngọn lửa cách điệu được khắc lên đá mà sao lại có thể tinh vi như thêu thùa trên gấm, tinh xảo như dệt*” [3, tr.23]. Rồi đến xúc giác “*mỗi nàng vũ nữ từ dáng điệu đến cử chỉ, từ khoe môi đến khoe mắt, từ cánh tay trần, đôi chân trần, đến bộ ngực trần, nét nào cũng chất lọc súc tích mà vẻ mềm mại của cơ thể vẫn gợi cảm làm sao, đến nỗi khi sờ tay vào, ta vẫn cứ run lên như chạm vào da thịt*” [3, tr.23]... Cuối cùng, chính tác giả phải trầm trồ khâm định: “*Angkor quả là nơi ngự trị của cái kì vĩ. Có phải cái kì vĩ là biểu trưng của một đế chế hùng mạnh, một siêu cường ở mọi thời? Và một dân tộc chỉ có thể kì vĩ khi làm được những điều kì vĩ?*” [3, tr.23]. Đúng là Chu Văn Sơn đã bị Cái đẹp nơi đây thuyết phục. Ông say mê phát hiện và biểu đạt về Cái đẹp chón này. Có một Angkor đẹp kì vĩ như thế trong trang sách của Chu Văn Sơn để bạn đọc cùng được dịp chiêm ngẫm về cảnh và người của xứ sở chùa tháp.

Rồi Angkor, Chu Văn Sơn đưa bạn đọc đến chiêm ngẫm về Cái đẹp kì vĩ của hang động Sơn Đoòng. Đây là hang động mang vẻ đẹp siêu thực. Đối diện hang động này, tác giả thốt lên đầy ngưỡng mộ và tự hào: “*Phát hiện Sơn Đoòng đã làm lòng Quảng nứt nở, lòng Việt ngậy ngát, chấn động nơi nơi. Đã vậy, nó lại còn được hăng truyền hình hàng đầu của Mỹ là ABC dành hẳn một chương trình Good Morning American trực tiếp truyền đi những hình ảnh choáng ngợp từ Sơn Đoòng cho toàn thế giới nữa chứ*” [3, tr.105].

Giống như Angkor, Cái đẹp của Sơn Đoòng cũng được cấu thành bởi nhiều đối cực, hài hòa giữa các đối cực. Nó là “*Kì quan của Đá và Nước*”. Vẻ đẹp mê hoặc của hang động này đến từ sự nguyên sơ, dữ dội, giao hòa của đá và nước: “*Đá Nước Sơn Đoòng thực là mối kì duyên*” [3, tr.109]. Hàng vạn năm qua, nước ve vuốt đá, miệt mài kiến tạo nên “*muôn khối thạch nhũ lộng lẫy*”. Những mảng thạch nhũ giống như một thác nước hóa đá, rong rêu bám đầy. Đi xuyên qua những gò ngăn, đóng cản, “*leo qua mê man, lờ mờ, chông chênh những đá*” ta sẽ thấy được hai giếng trời giống như “*một cây sáo hai lỗ thần kì, trời đã đem giấu giữa núi rừng Bó Trạch*”. Và trong sự lảng báng kì bí, cái đẹp sống động và lấp lánh ấy vẫn gợi ta như huyền thoại về giọng hát dụ hồn thủy của những nàng tiên cá. Cái đẹp kì vĩ của Sơn Đoòng đã mê dụ tác giả Chu Văn Sơn và ngòi bút tài hoa của tác giả lại mê dụ mỗi bạn đọc khi tiếp cận với từng trang sách.

2.2. Cái đẹp bình dị

Tự tình cùng Cái Đẹp không chỉ phát hiện và biểu đạt về Cái đẹp kì vĩ mà còn hướng đến Cái đẹp bình dị vốn tồn tại ngay trong cuộc sống đời thường, người đời dễ có thể bỏ quên. Tiêu biểu cho mạch cảm thức này trong tập sách của Chu Văn Sơn là các bài: *Hẹn hò Tây Bắc*, *Viết cho rặng bằng lăng trước nhà*, *Ở Đầm Vạc viết cho cò*.

Không cầu kì, quyen rũ, cũng chẳng lộng lẫy xa hoa, chính vẻ đẹp mộc mạc, hoang dã của núi rừng Tây Bắc lại có sức hấp dẫn với bao người. Cao nguyên Mộc Châu hiện ra dưới ngòi bút Chu Văn Sơn: “*Đẹp sững sờ*”. Đó là cái đẹp thuộc về núi đồi và thảo nguyên. “*Cái đẹp của đồng cỏ, nương chè*” mà linh hồn của nó là hoa mận và hoa cải: “*một màu vàng vàng trắng trắng miên man*” [3, tr.96] xen lẫn ruộng bậc thang trong làn sương mờ lúc ngày tàn. Đồng cỏ, nương chè, hoa mận hay hoa cải vốn là những hình ảnh quá đỗi quen thuộc, gần gũi với mỗi người dân Tây Bắc nhưng với một người yêu Cái đẹp, luôn thường trực mạch cảm thức phát hiện và biểu đạt về Cái đẹp như Chu Văn Sơn thì đó là vẻ đẹp lộng lẫy, tinh khôi của núi đồi thảo nguyên.

Ở Tây Bắc, vào tháng ba, khi hoa đào đã phai cũng là lúc hoa ban bắt đầu nở. Cả một vùng trời ngập sắc hoa, cảnh tượng tựa như chỉ có trong tranh vẽ. Trên đỉnh núi, trên lưng chùng đồi, trên vách đá,... đâu đâu cũng một màu trắng tinh khôi của hoa ban. Trong xứ sở của nương đồi, loài hoa này “*thực sự tỏa sáng cái vẻ đẹp lộng lẫy thanh khiết của nó*” [3, tr.98]. Làm nên nhan sắc của thiên nhiên nơi đây nhưng hoa ban cứ khiêm nhường, mong manh và lặng lẽ hiến tặng vẻ đẹp của mình cho đồi núi, thung khe Tây Bắc.

Tây Bắc còn có vẻ đẹp “*khung cảnh trời nước hoang sơ*” của Quỳnh Nhai. Ngắm nhìn làn nước trong xanh với từng gợn sóng li ti của sông Đà khiến bao người cảm nhận được sự thanh tịnh trong tâm hồn. Đó là lí do khi đặt chân đến Tây Bắc người ta mới thấy sự khác biệt với cuộc sống chôn phồn hoa đô hội. Những vẻ đẹp bình dị này, nhiều khi người ta thờ ơ, vô tình lướt qua. Chu Văn Sơn đã phát hiện ra Cái đẹp bình dị của Tây Bắc để được “*tự tình*” cùng thiên nhiên nơi đây.

Cái đẹp bình dị còn được tác giả tập tùy bút phát hiện và biểu đạt thông qua hình ảnh rặng bằng lăng trước nhà. Với mỗi người dân ở đô thị, rặng cây bằng lăng chạy dài khắp các con phố là hình ảnh quá đỗi quen thuộc, nhiều khi người ta thấy đó là điều tất yếu mà chẳng phải bận tâm nhiều về nó. Song hình ảnh quen thuộc này lại gợi cho Chu Văn Sơn nhiều suy ngẫm về một kiếp hoa. Ông viết: “*Thật ít có loài hoa nào vừa được mong chờ vừa bị rẻ rúng, vừa được nâng niu vừa bị lãng quên nhanh như bằng lăng*” [3, tr.125]. Đây là cách người đời đối xử với cái đẹp ư? Hết lòng mong chờ rồi khi có được trong tay, nhiều người liền cảm thấy không cần trân trọng nữa. Những ngày cuối xuân đầu hè, người ta khát khao màu tím, khi ấy bằng lăng tựa mình xoè những cánh hoa tím, rồi cả rặng bằng lăng cùng khai hội tím trên khắp phố phường, dâng tặng cả một mùa tím nguyên vẹn cho nhân gian. Thế là “*các kiểu ống kính camera, mobile, ipad, galaxy tua tua hướng về, lia lại chụp lấy bao dáng tím thanh tân*” [3, tr.126] của hoa. Nhưng rồi sắc tím phai pha, chỉ sau ít ngày là bọt bạc hết. Thói thường, người đời vốn cả thèm, chóng chán, cái gì “*phải hiếm thì mới quý. Còn dù đẹp mà quá sẵn, quá gần, thì cũng dễ nhàm, dễ rẻ*” nên bằng lăng nhanh chóng bị quên lãng. Nhưng đâu có bị người đời quên lãng, bằng lăng vẫn cứ đẹp và hào phóng. Nó chẳng đòi hỏi gì. “*Vẫn nở yêu kiều*”, “*vẫn khai hội tung bừng*”, “*vẫn hồn nhiên trở cảnh*”, “*toả sáng một*

đời hoa”, “*cháy tận một sắc tím*” [3, tr.127]. Rõ ràng, cái đẹp vẫn tồn tại ở những điều bình dị, gần gũi ngay cạnh cuộc sống của mỗi con người. Với một tâm hồn nhạy cảm, sự quan sát tinh tế, Chu Văn Sơn đã làm thức dậy những cái đẹp như thế để bạn đọc được dịp cùng chiêm ngưỡng và cảm thụ.

2.3. Cái đẹp bị quên lãng

Tiêu biểu nhất cho mạch cảm thức về Cái đẹp bị quên lãng trong tập sách của Chu Văn Sơn là bài tùy bút *Phận hoa bên lề*. Tác giả viết về một loài hoa bị người đời quên lãng và chối bỏ nhưng nó vẫn kiên nhẫn, nhún nhường đứng trong gió bắc mưa phùn, dưới màu mây xám bạc của ngày đông tận để trở hoa, đó là hoa lau. Biết thân, biết phận mình không có chỗ trong vườn nhà, hoa lau chỉ dám mọc trên đất bỏ hoang. Có khi nó đứng ngay bên đường, ngay trong tầm mắt người nhưng cũng không ai biết đến nó. Bởi nó chỉ là loài hoa dại sống ở vườn hoang. Ấy vậy mà hoa lau vẫn cứ kiên cường, kiêu hãnh với sức sống và vẻ đẹp làm lui của mình. Trong khi mọi loài hoa khác đều sợ gió làm phai sắc, nhạt hương, chỉ riêng hoa lau dám không sợ gió, dám đem bản lĩnh của mình đùa giỡn với gió, đùa giỡn với lãng quên. Chẳng được như trăm loài hoa khoe sắc khác đua nở theo vòng tuần hoàn của vũ trụ, hoa lau bốn mùa chỉ giữ nguyên một dáng vẻ với sắc trắng hoang vu. Nó biết rõ thân phận mình chỉ là loài cỏ bị bỏ rơi, loài hoa bạc phận bị người đời thờ ơ. Nhưng nó vẫn bền bỉ có mặt khắp mọi nơi, giống như công dân toàn cầu vậy. Lau vẫn mang nỗi buồn trắng xoá phủ khắp núi đồi hoang. Khắp rừng xanh, núi đỏ, bất cứ chốn heo hút nào người ta đều bắt gặp hoa lau. Lau giống “*phận lưu đày*” của những “*kiếp người vô tâm tích*” [3, tr.137]. Lau mang thiên ý về cái lẽ sắc không của đời người. Nó nhắc ta về “*sự chấp chờn mong manh của phận người*” giữa chốn nhân sinh muôn thuở.

Dù người đời có thể hờ hững và quên lãng lau thì trái lại, lau chẳng bao giờ hờ hững với người. Bằng chứng là ở bất cứ nghĩa địa nào, người ta đều thấy ẩn hiện những hoa lau. Lau an trú nơi nghĩa địa để an ủi những vong hồn: “*Khi bông hoa cuối cùng của những vòng hoa phủ quanh mộ tàn úa, rã rời, thì lau mọc. Lau lặng lẽ đến và cúi đầu mặc niệm. Bấy giờ nó mới thực sự là lau. Nó lau đi những vết hoen cuối cùng trong dương gian. Nó lau cho hư vô thêm trong suốt. Nó túc trực bên ngưỡng cửa hư không để đón đợi, để an ủi những vong hồn, lau khô những khổ lụy cuối cùng, rồi tiến đưa từng vong linh vào sâu cõi hư bằng cái vẫy tay phơ phất. Có hoa lau người ta mới biết, thì ra, hư không cũng bám bụi, cũng cần lau xóa thường xuyên. Hoa lau cứ lằm lụi lau đi những lớp bụi vô hình, vô minh. Lau cho cả gió, cả mây, cả trời...*” [3, tr.143-144].

Chu Văn Sơn đã viết rất thấm thía về *Cái Đẹp* bị quên lãng thông qua thân phận hoa lau. Lau cũng giống như những phận người bé nhỏ, lằm lụi giữa chốn nhân sinh hàng ngày nhưng vẫn luôn nỗ lực, cần mẫn. Một giọng văn trầm buồn cứ lan toả trong từng trang văn của tác giả gợi cho người đọc nhiều ý vị sâu xa.

3. KẾT LUẬN

Có thể nói, cảm thức về Cái đẹp là mạch cảm thức bao trùm trong tập tùy bút *Tự tình cùng Cái Đẹp* của Chu Văn Sơn. Nguồn cội của mạch cảm thức này chính là tình yêu, niềm say mê cảm thụ Cái đẹp, cũng là tình yêu dành cho cuộc sống của tác giả. Dưới ngòi bút tài hoa của Chu Văn Sơn, Cái đẹp được biểu hiện thật phong phú. Đối diện với Cái đẹp kì vĩ,

Cái đẹp bình dị hay Cái đẹp bị quên lãng, người đọc đều bất ngờ, thích thú trước những phát hiện tinh tế và sâu sắc của tác giả. Phía sau mỗi trang viết của ông luôn có một thái độ trân trọng, nâng niu Cái đẹp của cuộc sống từ những điều bé nhỏ nhất. Đồng thời, ông cũng cài gửi vào đó những thông điệp có chiều sâu tư tưởng. Chắc chắn *Tự tình cùng Cái Đẹp* của Chu Văn Sơn sẽ hứa hẹn một sức sống lâu bền.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử và Nguyễn Khắc Phi (2010). *Từ điển thuật ngữ văn học*. Nxb. Giáo dục Việt Nam.
2. Nhiều tác giả (2004). *Từ điển văn học*. Nxb. Thế giới.
3. Chu Văn Sơn (2019). *Tự tình cùng Cái Đẹp*. Nxb. Hội Nhà văn.
4. Trần Đình Sử (2012). *Lí luận văn học tập 2*. Nxb. Đại học Sư phạm.

THE SENSE OF BEAUTY IN THE ESSAY OF CHU VAN SON

Abstract: *Chu Van Son is a delicate and talented poetic critic, and an essayist who has made a deep impression on readers. The collection of essays Lyric with Beauty as the last gift of life which he sent to readers. Reading this book, we realized that the consistency in Chu Van Son's pen: a person who is passionate about Beauty, a permanency of sense for the discovery and expression about Beauty of which source is author's love for life.*

Keywords: *sense, beauty, Lyric with Beauty, Chu Van Son.*